

Bản án số: 352/2026/HS-PT
Ngày 06 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển và ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Ông Hà Duy Thảo - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh PT Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn A do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 139/2025/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh PT.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo: **Nguyễn Văn A**, sinh ngày 10/4/1995 tại NA; nơi cư trú: Xóm TĐ, xã TH (nay là xã GX), tỉnh NA; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Lô Thị L; có vợ Trần Thanh T và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 03 Công an tỉnh PT. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Ngọc Q - Luật sư Văn phòng Luật sư TNQ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh PT. (có mặt)

- Bị hại có kháng cáo:

+ Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1987; địa chỉ: Nhà D1, số 136 XT, phường CG, thành phố HN. Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 10 phố CT, phường HD, thành phố HN. (có mặt anh C, vắng mặt anh B)

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 9, đường NX, phường TX, thành phố HN. (vắng mặt)

+ Chị Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Phố ĐT, KT 26, OP 2, ND, VG, HY. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn A làm trong lĩnh vực kinh doanh, mua bán bất động sản. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, do nợ tiền nhiều người nên Nguyễn Văn A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách đưa ra thông tin gian dối để dụ dỗ nhiều người cho vay tiền, góp tiền đầu tư, giao tài sản cho Nguyễn Văn A để chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn này, Nguyễn Văn A đã chiếm đoạt tổng cộng 5.957.268.000 đồng của 05 người cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 2.120.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L2 thông qua việc vay tiền và góp tiền đầu tư 03 thửa đất.

Thông qua các mối quan hệ, Nguyễn Văn A có quen biết với anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1990, trú tại: thôn NC, xã TD, huyện SS (cũ), thành phố HN. Quá trình quen biết, Nguyễn Văn A đưa ra thông tin gian dối về nhân thân, giới thiệu tên là Nguyễn Văn A, sinh năm 1986, trú tại GX, TK, NA; số CMND 187506268 và giới thiệu bản thân là môi giới bất động sản. Nguyễn Văn A giới thiệu hiện có 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 01, diện tích 7055m² có địa chỉ tại: đồi M, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB (cũ); thửa đất số 273, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: đồi K, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB (cũ) và 01 thửa đất tại huyện LT, tỉnh HB (cũ) có khả năng đầu tư sinh lời và rủ anh L2 cùng góp vốn để Nguyễn Văn A đứng ra nhận chuyển nhượng, đầu tư cải tạo sau đó bán để hưởng lợi nhuận, tiền lời sẽ được chia theo tỉ lệ cổ phần góp vốn. Tin tưởng về việc hợp tác làm ăn, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 anh L2 đã chuyển cho Nguyễn Văn A số tiền 2.120.000.000 đồng, trong đó: số tiền 870.000.000 đồng để cùng đầu tư chung vào thửa đất số 265, tờ bản đồ số 01, diện tích 7055m² có địa chỉ tại: đồi M, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB; số tiền 900.000.000 đồng cùng đầu tư chung vào thửa đất số 273, tờ bản đồ số 01, đồi K, xóm AC, xã CY, huyện LS và số tiền 350.000.000 đồng cùng đầu tư vào thửa đất tại huyện LT, tỉnh HB. Ngoài ra Nguyễn Văn A còn vay của anh L2 số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn A sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 782.268.000 đồng của anh Nguyễn Thế B giao dịch mua bán thửa đất số 89, tờ bản đồ 170-C, địa chỉ: xóm TH, xã HH, huyện LS, tỉnh HB (cũ)

Vào năm 2021, chị Lê Thị Ngọc Q2, sinh năm 1971, trú tại: khu tập thể K95, PX, quận BD (cũ), thành phố HN gặp Nguyễn Văn A (lúc này giới thiệu mình là Nguyễn Văn A, sinh năm 1986, trú tại: GX, TK, NA) hai người thoả thuận mua thửa đất số 89, tờ bản đồ số 170-C địa chỉ tại xóm TH, xã HH, huyện LS, tỉnh HB (cũ) của chị Q2 với số tiền 600.000.000 đồng, đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Sau

đó, Nguyễn Văn A giới thiệu bán thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1990, trú tại: thôn NC, xã TD, huyện SS, thành phố HN với số tiền là 1.500.000.000 đồng cùng phí môi giới là 100.000.000 đồng. Ngày 28/01/2021, sau khi xem thực địa và giấy tờ pháp lý của thửa đất, anh L2 đồng ý mua và chuyển khoản đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A. Ngày 01/02/2021, anh L2 tiếp tục chuyển khoản số tiền 1.110.000.000 đồng đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A (bao gồm 1.000.000.000 đồng thanh toán nốt tiền mua đất, 100.000.000 đồng tiền công môi giới và 10.000.000 đồng tiền nhờ Nguyễn Văn A làm thủ tục chuyển nhượng). Ngày 18/3/2021, Nguyễn Văn A hẹn chị Q2 đến Phòng công chứng số 02 tỉnh HB (cũ) để ký Hợp đồng công chứng chuyển nhượng (bên chuyển nhượng Lê Thị Ngọc Q2, bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng Nguyễn Văn L2) và chuyển khoản số tiền 550.000.000 đồng còn thiếu cho chị Q2, chị Q2 ký hợp đồng và chuyển GCNQSDĐ cho Nguyễn Văn A. Đến ngày 19/3/2021, Văn A hẹn anh L2 và chị Nguyễn Thị L3 (vợ anh L2) cùng đến Phòng công chứng số 02 tỉnh HB để ký hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi hoàn tất hợp đồng công chứng, anh L2 để lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất số 89 cho Nguyễn Văn A để làm thủ tục biến động quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau khi nhận giấy tờ pháp lý của thửa đất, Nguyễn Văn A không làm thủ tục biến động quyền sử dụng đất cho anh L2 mà giữ lại giấy tờ để tiếp tục rao bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Tháng 06/2022, anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1987, trú tại: Ngách 1 ngõ 14 LL, HT 1, phường HC, quận HĐ (cũ), thành phố HN, thông qua các mối quan hệ quen biết với Nguyễn Văn A, lúc này Nguyễn Văn A đang rao bán thửa đất số 89, tờ bản đồ 170-C, địa chỉ: xóm TH, xã HH, huyện LS, tỉnh HB (đây là thửa đất đã bán cho anh Nguyễn Văn L2). Anh B đã liên hệ và được Nguyễn Văn A đưa đi xem thực tế thống nhất mua thửa đất với số tiền là 782.268.000 đồng và đặt cọc trước số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 05/7/2022, Nguyễn Văn A đưa anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1992, trú tại: Khu 4, thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố HN (là công chứng viên Văn phòng công chứng PL) đến gặp chị Lê Thị Ngọc Q2; Nguyễn Văn A đưa ra thông tin gian dối về việc người mua trước (là Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị L3) không mua nữa nên đề nghị chị Q2 ký lại hợp đồng chuyển nhượng cho người khác, chị Q2 đồng ý và ký vào bên chuyển nhượng. Sau đó, Nguyễn Văn A đưa anh N là công chứng viên đến gặp anh Nguyễn Thế B để ký bên nhận chuyển nhượng. Hoàn thành hợp đồng, anh B nhận GCNQSDĐ và chuyển số tiền 482.268.000 đồng đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A. Sau đó, anh B đưa GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990, trú tại: xóm LH, xã CS, huyện LS, tỉnh HB nhờ làm thủ tục biến động quyền sử dụng đất. Ngày 10/01/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LS, tỉnh HB (cũ) xác nhận nội dung chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thế B.

Sau khi chuyển nhượng thửa đất cho anh B, Nguyễn Văn A không thông báo cho anh L2 biết và sử dụng hết số tiền của anh L2 vào mục đích chi tiêu cá nhân. Anh L2 nhiều lần liên lạc để hỏi về tiến độ làm giấy tờ thì Nguyễn Văn A đưa ra nhiều lý do để trì hoãn. Tháng 5/2023, anh L2 mất liên lạc với Văn A nên đã trình báo nội dung sự việc đến Cơ quan Công an.

3. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 3.055.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị A2, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu T2 thông qua giao dịch, mua bán 04 thửa đất.

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn XD, xã YT, huyện GL, thành phố HN; chị Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn NQ, thị trấn NQ, huyện VL, tỉnh HY và chị Nguyễn Thị A2 sinh năm 1990; địa chỉ: xóm YH, xã TH, huyện TK, tỉnh NA quen biết, cùng đầu tư làm ăn với nhau và biết Nguyễn Văn A là em họ của chị Nguyễn Thị A2.

Năm 2021, các chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thu T2 và Nguyễn Thị A2 có nhu cầu đầu tư bất động sản tại huyện LS, tỉnh HB (cũ) nên đã liên lạc với Nguyễn Văn A để tìm hiểu, nhờ tư vấn. Thời điểm này, Văn A đang đầu tư làm ăn thua lỗ nên để có tiền chi tiêu cá nhân, Văn A đã đưa ra thông tin gian dối về việc mình hiện đang sở hữu 04 thửa đất (gồm thửa đất số 265, 273, 58 và thửa đất rừng số 240 L/B) trên địa bàn huyện LS, tỉnh HB (đã mua lại nhưng chưa sang tên), trong đó có thửa đất đã chuyển nhượng cho anh Trần Đức C2 và rủ cùng đầu tư chung với mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau khi được Văn A đưa đi xem thực địa và giấy tờ pháp lý của thửa đất, các chị H, T2 và A2 đồng ý cùng nhau chung tiền để cổ phần 50% các thửa đất do Văn A giới thiệu. Vì quen biết Văn A từ lâu nên tin tưởng góp vốn mà không lập giấy tờ, hợp đồng góp vốn, mua bán; sau đó các chị H, T2 và A2 sử dụng tài khoản cá nhân nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A và đưa tiền mặt với tổng số tiền là 3.055.000.000 đồng cho Văn A để đóng cổ phần và cải tạo, làm thủ tục sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ mới đối với các thửa đất chung. Sau khi nhận tiền, Văn A đã lén lút chuyển nhượng cho anh Trần Đức C2 04 thửa đất trên và không thông báo, cũng như không trả lại tiền cho các chị A2, T2 và H, cụ thể như sau:

Ngày 02/11/2021, Nguyễn Văn A thông qua anh Bùi Hồng C3 chuyển nhượng thửa đất số 58 và thửa đất rừng theo sổ giao đất giao rừng số 240/L.B, cùng địa chỉ tại: xóm C, xã TV, huyện LS, tỉnh HB cho anh Trần Đức C2 lấy số tiền 1.600.000.000 đồng.

Ngày 17/01/2022, Nguyễn Văn A thông qua anh Hoàng Thế L4 chuyển nhượng thửa đất 265, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: xóm AC, xã CY, huyện LS, HB cho anh Trần Đức C2 lấy số tiền 3.100.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng số 02 tỉnh HB.

Ngày 26/01/2022, Nguyễn Văn A giao dịch, chuyển nhượng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: xóm AC, xã CY, huyện LS, HB cho anh Trần Đức C2 lấy số tiền 2.000.000.000 đồng tại Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh HB.

Sau khi đã chuyển nhượng các thửa đất trên, để tiếp tục chiếm đoạt tiền, Văn A đưa ra thông tin gian dối về việc đang làm các thủ tục đăng ký biến động cho các thửa đất đồng thời đặt ở trên mạng 01 GCNQSDĐ giả rồi gửi ảnh qua ZALO cho các chị H, A2 và T2 GCNQSDĐ (giả) thửa đất số 265 mang tên anh Trần Đức C2 để các chị H, A2 và T2 tin tưởng. Đến tháng 7/2022, khi được hỏi về tiến độ làm giấy tờ các thửa đất, Văn A đưa ra nhiều lý do để trì hoãn, trốn tránh gặp mặt. Ngày 24/12/2022, các chị A2, H và T2 cùng với Văn A lập vi bằng số 5783 tại Văn phòng Thừa phát lại BD, xác nhận việc Văn A đã nhận tiền và chuyển thành cổ phần trong các thửa đất góp vốn, cụ thể như sau:

Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 01, diện tích 7055m² có địa chỉ tại: đồi M, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB. Thống nhất Nguyễn Thị A2, Phạm Thị H mỗi người đã góp 450.000.000 đồng để cổ phần 20% thửa đất (tương đương với 1.411m² đất).

Thửa đất số 58, tờ bản đồ 170-aII, diện tích 972m² và thửa đất rừng theo sổ giao đất giao rừng số 240/L.B, diện tích 2483m² (02 thửa đất liền nhau) cùng địa chỉ tại: xóm C, xã TV, huyện LS, tỉnh HB. Thống nhất các chị Phạm Thị H, Nguyễn Thị A2 và Phạm Thu Thu T2, mỗi người đã góp 435.000.000 đồng để cổ phần 386m² đất.

Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 01, diện tích 5066m², địa chỉ: Đồi K, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB. Thống nhất các chị Phạm Thị H và Nguyễn Thị A2, mỗi người đã góp 75.000.000 đồng để cổ phần 284m² đất; chị Phạm Thị Thu T2 đã góp 400.000.000 đồng để cổ phần 950m² đất.

Tổng số tiền Nguyễn Văn A nhận để mua chung đất là 2.740.000.000 đồng và 300.000.000 đồng để làm đường dân sinh, chi phí làm thủ tục giấy tờ pháp lý các thửa đất. Thời gian sau, các chị H, T2 và A2 mất liên lạc với Nguyễn Văn A nên đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LS, tỉnh HB để tra cứu thì biết các thửa đất đã được chuyển nhượng cho người khác.

Tổng số tiền Nguyễn Văn A chiếm đoạt của anh L2, anh B và các chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thu T2 và Nguyễn Thị A2 là 5.957.268.000 đồng.

Tháng 6/2023, Nguyễn Văn A bỏ trốn sang nước Lào. Đến ngày 26/6/2025, Văn A bị bắt theo Quyết định truy nã số 368/QĐTN-CSHS ngày 25/02/2025 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh HB tại Cửa khẩu HP - tỉnh DB.

Kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản:

Ngày 20/10/2024, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh HB (cũ) ra Quyết định trưng cầu giám định số 1299/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh HB giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn A trên vi bằng số

586/2022/VB-TPLHH ngày 14/04/2022 của Văn phòng Thừa phát lại HH và Vi bằng số 5783/2022/VB-TPLBĐ ngày 24/12/2022 của Văn phòng Thừa phát lại BD.

Tại bản Kết luận số 594/KL-KTTHS ngày 05/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh HB kết luận: *Chữ viết họ và tên Nguyễn Văn A dưới mục Người yêu cầu lập vi bằng trên Vi bằng số 586/2022/VB-TPLHH ngày 14/04/2022 của Văn phòng Thừa phát lại HH và dưới mục Bên A trên Vi bằng số 5783/2022/VB-TPLBĐ ngày 24/12/2022 của Văn phòng Thừa phát lại BD với chữ viết họ và tên Nguyễn Văn A dưới mục Người khai ký tên trên Tờ khai Chứng minh nhân dân số 187506248 họ và tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/04/1995, nơi ĐKKHKT: TH, TK, NA do Công an tỉnh NA lập ngày 26/03/2013 do cùng một người viết ra.*

Ngày 20/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh HB (cũ) ra Quyết định trưng cầu giám định số 1300/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh HB giám định đường vân đối với điểm chỉ vân tay của Nguyễn Văn A trên Vi bằng 5783/2022/VB-TPLBĐ ngày 24/12/2022 của Văn phòng Thừa phát lại BD.

Tại bản Kết luận số 593/KL-KTHS ngày 03/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh HB kết luận: *Điểm chỉ vân tay của Nguyễn Văn A dưới mục “Bên A” trên vi bằng số 5783/2022/VB-TPLBĐ ngày 24/12/2022 của Văn phòng Thừa phát lại BD với vân tay trên chỉ bản số 187506248 họ và tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/04/1995, nơi ĐKKHKT: TH, TK, NA do Công an tỉnh NA lập ngày 26/03/2013 là đồng nhất, cùng một người.*

Vật chứng thu giữ:

Tài liệu do anh Nguyễn Văn L2 giao nộp: 01 bản gốc hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 89 giữa Lê Thị Ngọc Q2 chuyển nhượng cho Nguyễn Văn L2 Số công chứng 742, Quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2021 của Văn phòng công chứng số 02 tỉnh HB. 01 bản gốc Vi bằng số 586/2022/VB-TPLHH lập ngày 14/4/2022. 06 (tờ) giấy in sao kê tài khoản của Nguyễn Thị L3, Nguyễn Văn L2, Dương Thị N2 có nội dung chuyển tiền đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A.

Tài liệu do anh Nguyễn Thế B giao nộp:

Bản sao hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 89 giữa Lê Thị Ngọc Q2 chuyển nhượng cho Nguyễn Thế B, số công chứng 2757, Quyền số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/07/2022 của Văn phòng Công chứng PL cùng các tài liệu có liên quan đến giao dịch, chuyển nhượng thửa đất số 89.

04 (bốn) tờ giấy in hình ảnh CMND số 187506268 mang tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/04/1986, HKTT: GX, TK, NA và bản photo hóa đơn Nguyễn Thế B chuyển tiền đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A vào ngày 07/07/2022.

Tài liệu do anh Trần Đức C2 giao nộp:

01 bản photocopy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 265, số công chứng 149: Quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2022 của Văn phòng Công chứng Số 02 tỉnh HB giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q3 chuyển nhượng cho Trần Đức C2.

01 bản photocopy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 273, số công chứng: 283: Quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/01/2022 của Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh HB giữa ông Hoàng V chuyển nhượng cho Trần Đức C2.

01 bản photocopy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 273, số công chứng 479: Quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/06/2023 của Văn phòng Công chứng PL giữa ông Kim Ngọc B2 chuyển nhượng cho Trần Đức C2

01 bản photocopy bản hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đề ngày 13/01/2023, bên chuyển nhượng Hoàng Văn P, bên nhận chuyển nhượng Trần Đức C2.

01 bản photocopy hợp đồng đặt cọc đề ngày 26/11/2021 giữa Trần Đức C2 và Bùi Hồng C3.

01 bản photocopy Giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 1143 (là thửa đất theo sổ giao đất giao rừng số 240/L.B) số sổ DB297599 mang tên Trần Đức C2 (sổ giả).

01 bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 265, số sổ DA073782 mang tên Trần Đức C2 (sổ giả).

06 tờ in nội dung tin nhắn giữa Nguyễn Văn A và Trần Đức C2 cùng một số người khác cùng đầu tư.

Tài liệu do chị Nguyễn Thị A2 giao nộp:

01 (một) bản gốc Vi bằng số 5783/VB-TPLBĐ lập ngày 24/12/2022.

52 tờ (giấy A4) in nội dung trò chuyện về việc chung tiền mua đất với Nguyễn Văn A, hóa đơn chuyển tiền cho Nguyễn Văn A và các tài liệu có liên quan đến các thửa đất đầu tư chung.

Tài liệu do chị Phạm Thị H giao nộp: Sao kê tài khoản của chị Phạm Thị H có nhiều nội dung chuyển khoản đến tài khoản số 19035662702012 ngân hàng TECHCOMBANK của Nguyễn Văn A để chung tiền mua đất. 07 (bảy) tờ photo hóa đơn chuyển tiền của Nguyễn Thị H chuyển tiền cho Nguyễn Văn A.

Tài liệu do chị Phạm Thị Thu T2 giao nộp: 01 bản sao kê tài khoản của chị Phạm Thị Thu T2 có nhiều nội dung chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị A2 và Nguyễn Văn A để chung tiền mua đất.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh L2 yêu cầu Văn A trả lại số tiền chiếm đoạt là 3.980.000.000 đồng.

Anh B cho rằng việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 89 từ chị Lê Thị Ngọc Q2 là đúng quy định của pháp luật, giấy tờ pháp lý của thửa đất đã được cơ quan có

thẩm quyền chứng thực, xác nhận và đề nghị giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện giao dịch, chuyển nhượng, xây dựng trên thửa đất số 89.

Các chị Nguyễn Thị A2, Phạm Thị H và Phạm Thị Thu T2 yêu cầu Văn A trả lại số tiền 3.055.000.000 đồng đã bị chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2025/HS-ST ngày ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh PT đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho các bị hại số tiền: Anh Nguyễn Văn L2 2.120.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thế B 782.268.000 đồng. Chị Nguyễn Thị A2 1.110.000.000 đồng. Chị Phạm Thị H 1.110.000.000 đồng. Chị Phạm Thị Thu T2 835.000.000 đồng.

2.2. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng lập ngày 19/3/2021 (số công chứng 742, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn L2 và vợ bà Nguyễn Thị L3 có hiệu lực theo quy định, quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ 170- C thuộc về vợ chồng ông L2.

2.3. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng lập ngày 07/7/2022 (số công chứng 2757, quyền số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Thế B là vô hiệu và hủy bỏ nội dung đăng ký biến động ngày 10/01/2023 cho anh Nguyễn Thế B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/01/2026, bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị nhập với vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội khởi tố về bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Quyết định khởi tố bị can số 1247/QĐ-VPCQCSĐT ngày 05/12/2025).

Ngày 29/12/2025, bị hại anh Nguyễn Thế B kháng cáo bản án với nội dung về dân sự: Cấp sơ thẩm hủy hợp đồng cũng như giấy chứng nhận QSDĐ của anh là chưa thỏa đáng và không có căn cứ gây thiệt hại cho anh B.

Ngày 07/01/2026, bị hại chị Phạm Thị H kháng cáo đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, tăng hình phạt đối với bị cáo. Làm rõ vai trò của chị Nguyễn

Thị A2 trong vụ án (có dấu hiệu của việc dẫn dắt, môi giới người khác mua bán chuyển nhượng đất cùng bị cáo A để mục đích lừa đảo chiếm đoạt).

Ngày 12/01/2026, bị hại chị Phạm Thị Thu T2 kháng cáo đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, tăng hình phạt đối với bị cáo. Làm rõ vai trò của chị Nguyễn Thị A2 trong vụ án (có dấu hiệu của việc dẫn dắt, môi giới người khác mua bán chuyển nhượng đất cùng bị cáo A để mục đích lừa đảo chiếm đoạt), việc phân chia tài sản cho các bị hại theo tỷ lệ thiệt hại thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn A xin rút toàn bộ kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thế B giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại anh Nguyễn Thế B, chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị Thu T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2025/HS-ST ngày ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh PT.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến kiến tranh luận gì thêm. Bị cáo đồng ý với luận cứ bào chữa của Luật sư.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thế B trình bày: Việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 89 từ Lê Thị Ngọc Q2 là đúng quy định của pháp luật, giấy tờ pháp lý của thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, xác nhận. Cấp sơ thẩm hủy hợp đồng cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh B là chưa thỏa đáng và không có căn cứ gây thiệt hại cho anh B. Đề nghị Tòa Phúc thẩm hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng lập ngày 19/3/2021 (số công chứng 742, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị Ngọc Q và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn L2 và vợ bà Nguyễn Thị L3 có hiệu lực theo quy định, quyền sử dụng thửa đất số 89 từ bản đồ 170- C thuộc về vợ chồng ông L3. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng lập ngày 07/7/2022 (số công chứng 2757, quyền số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Thế B có hiệu lực theo quy định và không tuyên hủy bỏ nội dung đăng ký biến động ngày 10/01/2023 cho anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo và các bị hại gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A, thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn A tại phiên tòa phúc thẩm, hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan và các sao kê ngân hàng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau, bị cáo Nguyễn Văn A đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 5.957.268.000 đồng, cụ thể như sau:

Bị cáo chiếm đoạt số tiền 2.120.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L2, bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối về bản thân để rủ anh L2 chung tiền góp vốn đầu tư 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 01, diện tích 7055m² có địa chỉ tại: Đồi M, xóm AC, xã CY, huyện LS; thửa đất số 273, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Đồi K, xóm AC, xã CY, huyện LS, tỉnh HB và 01 thửa đất tại huyện LT, tỉnh HB (cũ). Sau khi nhận tiền, bị cáo Nguyễn Văn A đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo chiếm đoạt số tiền 782.268.000 đồng của anh Nguyễn Thế B thông qua giao dịch mua bán thửa đất số 89, tờ bản đồ 170-C, địa chỉ: Xóm TH, xã HH, huyện LS, tỉnh HB (cũ). Đây là thửa đất ngày 18/3/2021, bị cáo Văn A đã làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn L2, nhưng sau đó ngày 05/7/2022, bị cáo lại tiếp tục bán cho anh Nguyễn Thế B để chiếm đoạt số tiền 782.268.000 đồng để chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Bị cáo chiếm đoạt số tiền 3.055.000.000 đồng của các chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thu T2 và Nguyễn Thị A2 thông qua giao dịch, mua bán 04 thửa đất (gồm thửa đất 265, 273, 58 và thửa đất rừng số 240 L/B) trên địa bàn huyện LS, tỉnh HB (cũ). Sau khi nhận tiền đầu tư chung của các chị A2, H và T2, bị cáo Nguyễn Văn A đã không làm thủ tục hợp đồng chuyển nhượng đất như cam kết. Toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi chiếm đoạt số tiền trên của các bị hại, tháng 6/2023 bị cáo Nguyễn Văn A xuất cảnh và bỏ trốn sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; đến ngày 26/6/2025, bị cáo bị bắt tại Cửa khẩu HP - tỉnh DB. Với các hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh PT đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu và nhận thức đầy đủ các quy định của pháp luật nhưng đã lợi dụng vào lòng tin của các bị hại, đưa ra các thông tin gian dối, để các bị hại chuyển tiền cho bị cáo rồi chiếm đoạt và sử dụng toàn bộ số tiền 5.957.268.000 đồng vào mục đích chi tiêu cá nhân dẫn đến mất khả năng trả nợ, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân.

[3.3] Tuy nhiên, xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn bị Cơ quan CSĐT Công an HN khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự (theo Quyết định khởi tố bị can số 1247/QĐ-VPCQCSĐT ngày 05/12/2025). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa sơ thẩm, có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo... nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại Phạm Thị H và Phạm Thị Thu T2 đề nghị xem xét, làm rõ vai trò của bị hại Nguyễn Thị A2 trong vụ án (có dấu hiệu của việc dẫn dắt, môi giới người khác mua bán chuyển nhượng đất cùng bị cáo Nguyễn Văn A với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản), thấy: Mặc dù chị A2 là chị họ của bị cáo, nhưng căn cứ vào lời khai của chị T2 và chị H cùng các tài liệu thu thập được tại cấp sơ thẩm, cũng như lời khai của bị cáo và của chị A2 tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định chị A2 và chị T2, chị H đều là các bị hại trong vụ án, đều bị Nguyễn Văn A dùng thủ đoạn gian dối để các bị hại chuyển tiền để chiếm đoạt; không có căn cứ xác định chị A2 dẫn dắt, môi giới chị T2 và chị H mua bán chuyển nhượng đất cùng bị cáo Nguyễn Văn A. Vì vậy, các chị T2 và chị H kháng cáo cho rằng chị Nguyễn Thị A2 có dấu hiệu của việc dẫn dắt, môi giới người khác mua bán, chuyển nhượng đất cùng bị cáo với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có cơ sở nên kháng cáo không được chấp nhận. Riêng việc bị hại T2 đề nghị phân chia tài sản cho các bị hại theo tỷ lệ thiệt hại thực tế thấy, việc phân chia tỷ lệ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo này của chị T2 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Thế B, thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh B cho rằng việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 89 từ Lê Thị Ngọc Q2 là đúng quy định của pháp luật, giấy tờ pháp lý của thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, xác nhận và đề nghị giải quyết vụ án theo đúng quy định của

pháp luật để thực hiện giao dịch, chuyển nhượng, xây dựng trên thửa đất số 89. Tuy nhiên, theo các tài liệu thu thập được đã xác định, thửa đất số 89, trước đó vào ngày 19/3/2021, anh Nguyễn Văn L2 và chị Nguyễn Thị L3 (vợ anh L2) cùng đến Phòng công chứng số 02 tỉnh HB để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất hợp đồng công chứng, anh L2 để lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất số 89 cho bị cáo Nguyễn Văn A để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/3/2021 đã công chứng và có hiệu lực kể từ ngày công chứng hoặc chứng thực.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89 sau này được thực hiện thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng lập ngày 05/7/2022 (số công chứng 2757, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng chị Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Thế B là không đúng với quy định của pháp luật, vì theo chính lời khai của anh B và chị Q2 thì cả hai bên khi ký hợp đồng nêu trên không gặp nhau và không thống nhất nội dung, chỉ thông qua anh N là công chứng viên nên có căn cứ xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 05/7/2022 là vô hiệu dẫn đến nội dung đăng ký biến động ngày 10/01/2023 cho anh Nguyễn Thế B cũng không đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh Nguyễn Thế B là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại không xuất trình thêm tài liệu mới có ý nghĩa chứng minh cho nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại, cần giữ nguyên bản án hình sự nêu trên theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, các bị hại không phải chịu.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Thu T2 và anh Nguyễn Thế B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2025/HS-ST ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh PT.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 14

(mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2025.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho các bị hại số tiền: Anh Nguyễn Văn L2 2.120.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thế B 782.268.000 đồng. Chị Nguyễn Thị A2 1.110.000.000 đồng. Chị Phạm Thị H 1.110.000.000 đồng. Chị Phạm Thị Thu T2 835.000.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.2. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng lập ngày 19/3/2021 (số công chứng 742, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng chị Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Văn L2 và vợ chị Nguyễn Thị L3 có hiệu lực theo quy định, quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ 170- C thuộc về vợ chồng anh Nguyễn Văn L3.

3.3. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng lập ngày 07/7/2022 (số công chứng 2757, quyền số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), giữa bên chuyển nhượng chị Lê Thị Ngọc Q2 và bên nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Thế B là vô hiệu và hủy bỏ nội dung đăng ký biến động ngày 10/01/2023 cho anh Nguyễn Thế B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, các bị hại không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ (02 bản);
- VKSND tỉnh PT;
- Công an tỉnh PT;
- Trại TG số 3, CA tỉnh PT;
- THADS tỉnh PT;
- Sở Tư pháp tỉnh NA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã GX, T NA;
- Bị cáo (qua Trại TG số 3);
- Các bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

Trần Quang Minh